

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-PT
Ngày: 28 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài;

Bà Trần Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Mai Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLPT- HS ngày 29 tháng 01 năm 2024. Do có kháng cáo của xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q, sinh năm 1990, nơi cư trú: khóm B 01, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (chưa đăng ký thay đổi nơi thường trú); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T, sinh năm 1967, mẹ là bà Cao Thu H, sinh năm 1970; anh, em ruột: 03 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Võ Thị Cẩm T1, sinh năm 2001; con: 01 người, sinh năm 2021; quá trình nhân thân: từ nhỏ sống chung với gia đình, học đến lớp 11 thì nghỉ, sinh sống bằng nghề làm thuê; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 16/11/2023 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm)

Bị hại: Bà Trương Minh T2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Võ Thị Cẩm T1, sinh năm 2001; nơi cư trú: Khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bà Cao Thu H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Nguyễn Chí H1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

- Lê Thanh T3, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Ngày 19/12/2023, bị cáo Trần Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên; Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 15/11/2023, Trần Ngọc Q đi bộ từ đường tỉnh lộ 949 hướng xã A, thị xã T đến xã C, huyện T. Khi Q đi đến Văn phòng ấp T, xã A, thị xã T phát hiện xe mô tô biển số 67F1-106.18 của bà Trương Minh T2 dựng trong sân trước của Văn phòng Ấ, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, không người trông giữ, nên Q nảy sinh ý định lấy trộm.

Để thực hiện, Q đi vào ngồi lên xe 67F1-106.18 của bà T2, giả vờ là người dân đến Văn phòng ấp làm giấy tờ, lợi dụng bà T2 đang nói chuyện với bà Huỳnh Thị N trong Văn phòng ấp mất cảnh giác, Quyền dùng hai chân lùi và quay đầu xe ra ngoài hướng Tỉnh lộ 949, bị bà T2 phát hiện la lên “Làm gì mà leo lên xe của tôi vậy” Quyền không trả lời mà bật chìa khóa xe nổ máy điều khiển xe chạy về hướng xã C, huyện T, bà T2 liền truy hô “Trộm xe, trộm xe”. Lúc này, anh Nguyễn Chí H1 và anh Lê Văn T4 ở gần đó nghe tiếng truy hô, nên anh H1 và anh T4 dùng xe mô tô truy đuổi theo Quyền khoảng 01 km, thì anh T4 và anh H1 bắt giữ được Q cùng tang vật giao cho Công an xã A, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 2157 ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, xác định: Xe mô tô biển số 67F1-106.18, nhãn hiệu: Majesty, số loại: FT110-2, màu sơn: Đỏ, số khung H0A4TT165781, số máy P52FMH165781, trị giá 3.000.000 đồng. Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 04/QĐ-VKSTB-HS ngày 07/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị hại bà Trương Minh T2 xác định đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa sơ thẩm bà T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tuyên bố bị cáo: Trần Ngọc Q phạm tội:

“Trộm cắp tài sản” căn cứ khoản 1 Điều 173; h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q: 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 16/11/2023 (*mười sáu, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 19/12/2023 bị cáo Trần Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, người bị hại, những tham gia tố tụng khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; theo đó, bị cáo Q xác định bản án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội không oan, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt vì có con nhỏ; Bị cáo còn thừa nhận bản thân nghiện ma túy hơn 01 năm, ngoài ra không ý kiến, yêu cầu gì khác và không cung cấp chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến.

- Về thủ tố tụng: Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q rõ ràng, gửi trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Q tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa sơ thẩm đã xem xét toàn diện chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bản thân bị cáo nghiện ma túy nên tuyên xử bị cáo Q 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo xin giảm án nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc bị cáo chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q trong hạn luật định, hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng pháp luật.

[1.3] Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, việc các đương sự này vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ, nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Q thừa nhận đã lén lút lấy tài sản xe Honda của bị hại bà T2 (tại trụ sở Văn phòng ấp T, xã A) đúng như bản án sơ thẩm nhận định xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là không oan; lời khai nhận tội của bị cáo Q tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp kết luận định giá tài sản số 2157 ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, xác định: Xe mô tô biển số 67F1-106.18, nhãn hiệu: Majesty, số loại: FT110-2, màu sơn: Đỏ, số khung H0A4TT165781, số máy P52FMH165781, trị giá 3.000.000 đồng, chứng cứ tại vụ án thể hiện hành vi việc thực hiện việc phạm tội của bị Q đó là;

Do không có tiền và không có phương tiện để đi đến khu vực núi K gặp bạn, nên khoảng 16 giờ, ngày 15/11/2023, Trần Ngọc Q đi bộ từ đường tỉnh lộ 949 hướng xã A, thị xã T đến xã C, huyện T. Khi Q đi đến Văn phòng ấp T, xã A, thị xã T phát hiện xe mô tô biển số 67F1-106.18 của bà Trương Minh T2 dựng trong sân trước của Văn phòng Á, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, không người trông giữ, nên Q nảy sinh ý định lấy trộm tài sản.

Để thực hiện tội phạm, Quyền đến ngồi trên xe 67F1-106.18 của bà T2, giả vờ là người dân đến Văn phòng ấp làm giấy tờ, lợi dụng bà T2 đang nói chuyện với bà Huỳnh Thị N trong Văn phòng ấp mất cảnh giác, Quyền dùng hai chân lùi và quay đầu xe ra ngoài hướng Tỉnh lộ 949, bị bà T2 phát hiện la lên

“Làm gì mà leo lên xe của tôi vậy” Quyền không trả lời mà bật chìa khóa xe nổ máy điều khiển xe chạy về hướng xã C, huyện T, bà T2 liền truy hô “Trộm xe, trộm xe”. Lúc này, anh Nguyễn Chí H1 và anh Lê Văn T4 ở gần đó nghe tiếng truy hô, nên anh H1 và anh T4 dùng xe mô tô truy đuổi theo Quyền khoảng 01 km, thì anh T4 và anh H1 bắt giữ được Q cùng tang vật giao cho Công an xã A, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T xử lý.

Bị cáo Q là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi, bản thân nghiện ma túy, nhưng do lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài và xe để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo lấy trộm xe Honda của bị hại T2 là lỗi cố ý, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của bà T2, giá trị tài sản bị cáo lấy trộm đủ định lượng, nên đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ cho bị cáo; nhưng bị cáo Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Tòa sơ thẩm xem xét toàn diện chứng cứ tại hồ sơ vụ án, xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nên xử phạt bị cáo Q 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng bị cáo Q không cung cấp được chứng mới có giá trị chứng minh được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật, bản thân bị cáo nghiện ma túy, việc tiếp tục giam bị cáo giúp cho bị cáo cai nghiện tốt hơn, nên không có căn cứ pháp luật để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Quyền phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Phúc xử:

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc Q.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Trần Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bắt tạm, giữ, tạm giam đối với bị cáo là ngày 16/11/2023.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp-HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thị xã Tịnh Biên;
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Phòng KTNV&THA tỉnh AG (1);
- Cơ quan THA-HS Công An tỉnh;
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh AG(2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (2);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- VP tòa án tỉnh AG (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**Nguyễn Ngọc Tuấn**